TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK R'LẤP** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2021/HS-ST
Ngày: 26-11-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Anh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thùy và ông Lê Thế Kỳ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hoà, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Hoàng - Kiểm Sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2021/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2021/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2021/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2021/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2021/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2021/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 8 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2021/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 9 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2021/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2021; Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 06/TB-TA ngày 22 tháng 11 năm 2021; đối với bị cáo:

Võ Duy T, sinh năm 1963 tại tỉnh Quảng Nam; nơi ĐKHKTT: Thôn 8, xã A, huyện B, tỉnh Đắk Nông; nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện X, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Võ T (đã chết) và bà Lê Thị P, sinh năm 1933; có vợ là Trần Thị M (đã ly hôn) và 02 con, lớn nhất sinh năm 1991 nhỏ nhất sinh năm 1993 và vợ Phạm Thị M(đã ly hôn); Bị cáo bị bắt theo lệnh truy nã, tạm giữ, tạm giam từ ngày 02-02-2020 đến ngày 30-4-2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – Có mặt.

- *Bị hại:* Anh Lê Vũ L, sinh năm 1967; địa chỉ: 40/10 K, tổ 6, khu phố 01, phường H, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại*: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1991 – Luật sư của Công ty Luật M; Địa chỉ: Đường I, tổ dân phố 02, thị trấn C, huyện B, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn 08, xã A, huyện B, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

2. Anh Nguyễn Hữu K, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn 11, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2013 Võ Duy T ly hôn với bà Phạm Thị M theo bản án số 06/2013/HNGĐ-ST ngày 15-20/5/2013 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp thì Võ Duy T có nghĩa vụ T toán cho bà M số tiền 132.600.815 đồng. Tuy nhiên T đã không tự nguyện thi hành nên ngày 17-7-2013 Chi cục THADS huyện B đã ra Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 338/QĐ-CCTHA buộc T phải trả cho bà M số tiền nêu trên. Ngày 02-7-2014 Chi cục THADS huyện B tiến hành cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 69, tờ bản đồ số 2, diện tích 12.000m^2 tọa lạc tại thôn 8, xã A, huyện B được UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 782695 ngày 22-8-2003 mang tên hộ ông Võ Duy T. Sau nhiều lần đưa ra đấu giá tài sản thì tới ngày 21-8-2017 ông Nguyễn Hữu K trúng đấu giá tài sản trên với giá 174.000.000 đồng.

Sau khi ông K trúng đấu giá thì T gửi đơn đến Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa yêu cầu hủy kết quả đấu giá; hủy hợp đồng mua bán tài sản đấu giá. Quá trình giải quyết đến ngày 19-01-2018 Tòa án nhân dân thị xã H ra quyết định số 01/2018/QĐST-DS công nhận sự thỏa thuận của các đương sự với nội dung:

*"**2.1**. Ông Nguyễn Hữu K đồng ý nhượng lại quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho ông Võ Duy T, cụ thể là thửa đất số 69, tờ bản đồ số 2, diện tích 12.000m^2 được UBND huyện B cấp ngày 22/8/2003.*

Ông Võ Duy T phải trả lại cho ông Nguyễn Hữu K 26.000.000 đồng vào ngày 31/8/2018 .

Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Đắk Nông phải trả lại cho ông Nguyễn Hữu K 174.000.000 đồng theo hợp đồng mua bán đấu giá số 01/HĐMB ngày 24/8/2017 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện B đã ký với ông Nguyễn Hữu K sau khi ông T thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án vào ngày 09/02/2018.

***2.2.** Hủy kết quả bán đấu giá đối với thửa đất số 69, tờ bản đồ số 2, diện tích 12.000m^2 được UBND huyện B cấp ngày 22/8/2003 cho ông Võ Duy T theo*

quyết định số 81/QĐ-UB và tài sản trên đất đã bị kê biên, cưỡng chế và bán đấu giá được tổ chức và thực hiện giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện B và Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản Đắk Nông.

Hủy hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 01/HĐMB ngày 24/8/2017 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện B đã ký với ông Nguyễn Hữu K.

Điều kiện để hủy các hợp đồng nêu trên là khi ông Võ Duy T nộp đủ số tiền phải thi hành án vào ngày 09/02/2018, bao gồm: Chi phí thẩm định giá tài sản là 1.750.000 đồng; chi phí bán đấu giá là 10.114.452 đồng; tiền trả cho người được thi hành án là 62.000.000 đồng. Tổng cộng là 73.864.452 đồng.

Nếu đến ngày 09/02/2018, ông Võ Duy T không thực hiện nghĩa vụ như đã thỏa thuận thì Chi cục thi hành án dân huyện huyện B, tỉnh Đắk Nông tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 01/HĐMB ngày 24/8/2017 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện B đã ký với ông Nguyễn Hữu K".

Sau đó T không thực hiện các nghĩa vụ theo nội dung đã thỏa thuận, nên Chi cục THADS huyện B tiếp tục thực hiện các thủ tục giao tài sản là thửa đất số 69, tờ bản đồ số 2, diện tích 12.000m^2 tọa lạc tại thôn 8, xã A, huyện B cho ông K. Do T không giao nộp giấy CNQSDĐ số V 782695 nên ngày 08-8-2018 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông đã ban hành quyết định hủy tính pháp lý đối với giấy CNQSDĐ số V 782695 cấp ngày 22-8-2003 mang tên hộ ông Võ Duy T, đồng thời cấp giấy CNQSDĐ số CN 384036 cho ông Nguyễn Hữu K. Mặc dù biết bản thân mình không thực hiện các nghĩa vụ theo thỏa thuận nên quyền sử dụng thửa đất số 69 đã thuộc về ông K, nhưng đến đầu năm 2019 T vẫn rao bán thửa đất trên và một thửa đất liền kề là thửa đất số 49, tờ bản đồ số 34, có diện tích 13.360,4m^2 theo giấy CNQSDĐ số CN 384165, cấp ngày 14-5-2018 cho ông Võ Duy T với giá 1.000.000.000 đồng. T nói với ông Nguyễn Hoàng P hai thửa đất trên là của T và không tranh chấp với ai để nhờ ông P tìm người mua. Qua giới thiệu của ông P, T bán hai thửa đất trên cho ông Lê Vũ L với giá 1.000.000.000 đồng. Tháng 7/2019 ông L chuyển tiền cho ông P để đặt cọc cho T số tiền 220.000.000 đồng, nhưng viết thành "Giấy cho mượn tiền". Đến ngày 02-8-2019 T và ông L tiến hành lập hai hợp đồng sang nhượng hai thửa đất trên tại Văn phòng công chứng huyện Đắk R'lấp, giá trị mỗi thửa đất chuyển nhượng ghi trong hợp đồng là 150.000.000 đồng. Sau khi hợp đồng chuyển nhượng được xác lập, ông L đã T toán hết số tiền 780.000.000 đồng còn lại cho T.

Đến ngày 06-8-2019 thì ông P phát hiện thửa đất số 69, tờ bản đồ số 2, diện tích 12.000m^2 là tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Hữu K và đã được cấp giấy CNQSDĐ nên ông P đã làm đơn tố giác hành vi lừa đảo của T đến Cơ quan CSĐT Công an huyện B.

Tại Cơ quan CSĐT Công an huyện B, Võ Duy T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Quá trình điều tra, Võ Duy T và ông Lê Vũ L đều khai nhận tổng giá trị chuyển nhượng hai thửa đất trên là 1.000.000.000 đồng, tuy nhiên các bên không xác định giá trị chuyển nhượng của mỗi thửa là bao nhiêu và cũng không có văn bản thể hiện giá trị chuyển nhượng thực tế của mỗi thửa. Do đó căn cứ vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 69 được các bên lập tại Văn phòng công chứng huyện B thể hiện giá trị chuyển nhượng là 150.000.000 đồng, xác định số tiền mà T đã chiếm đoạt của ông L là 150.000.000 đồng.

Cáo trạng số 42/CT-VKS ngày 07-8-2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp quyết định truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Đăk R'Lấp để xét xử Võ Duy T về tội:*"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa bị cáo Võ Duy T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng và thừa nhận Cáo trạng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông truy tố bị cáo về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng, không oan.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Sau khi xem xét các tình tiết buộc tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Võ Duy T phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Võ Duy T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

Về vật chứng của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Lưu hồ sơ 01 bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 782695 do UBND huyện B cấp ngày 17-9-2003 cho hộ ông Võ Duy T (đã bị hủy bỏ tính pháp lý); 01 bản gốc "Giấy cho mượn tiền" đề ngày 30-7-2019 (có nội dung đặt cọc 220.000.000đ); 01 bản gốc "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của hộ gia đình theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 782695" được xác lập và công chứng tại Văn phòng công chứng huyện B ngày 02-8-2019 theo hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa bị cáo Võ Duy T không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đăk R'Lấp, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk R'Lấp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai, Hội đồng xét xử đủ căn cứ xác định:

Giấy chứng nhận quyền sử đụng đất số V 782695, thuộc thửa đất số 69, tờ bản đồ số 2, diện tích 12.000m^2 tọa lạc tại thôn 8, xã A, huyện B do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 22-8-2003 đứng tên hộ ông Võ Duy T đã được kê biên bán đấu giá theo Hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản số 63/HĐ-DVĐG ngày 27-7-2017 của Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Đắk Nông. Việc Giấy CNQSDĐ số V782695 đã được kê biên bán đấu giá cho ông Nguyễn Hữu K là do bị cáo Võ Duy T không thực hiện theo nghĩa vụ thỏa thuận của mục 2.2 của Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 01/2018/QDDST-DS ngày 19-01-2018 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đắk Nông là:

"**2.2.** *Hủy kết quả bán đấu giá đối với thửa đất số 69, tờ bản đồ số 2, diện tích 12.000m^2 được UBND huyện B cấp ngày 22/8/2003 cho ông Võ Duy T theo quyết định số 81/QĐ-UB và tài sản trên đất đã bị kê biên, cưỡng chế và bán đấu giá được tổ chức và thực hiện giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện B và Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản Đắk Nông.*

Hủy hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 01/HĐMB ngày 24/8/2017 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện B đã ký với ông Nguyễn Hữu K.

Điều kiện để hủy các hợp đồng nêu trên là khi ông Võ Duy T nộp đủ số tiền phải thi hành án vào ngày 09/02/2018, bao gồm: Chi phí thẩm định giá tài sản là 1.750.000 đồng; chi phí bán đấu giá là 10.114.452 đồng; tiền trả cho người được thi hành án là 62.000.000 đồng. Tổng cộng là 73.864.452 đồng.

Nếu đến ngày 09/02/2018, ông Võ Duy T không thực hiện nghĩa vụ như đã thỏa thuận thì Chi cục thi hành án dân huyện huyện B, tỉnh Đắk Nông tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 01/HĐMB ngày 24/8/2017 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện B đã ký với ông Nguyễn Hữu K".

Việc bị cáo T đến ngày 09-02-2018 không thực hiện các nghĩa vụ tại mục 2.2. Cho nên, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V782695 đã được cấp cho

ông Nguyễn Hữu K theo Hợp đồng đấu giá. Bị cáo biết việc đến ngày 09-02-2018 không thực hiện nghĩa thì thửa đất số 69 không phải của mình nhưng bị cáo vẫn cố ý đưa ra thông tin gian dối về việc bị cáo là người có quyền sử dụng hợp pháp đối với thửa đất số 69, thông qua môi giới của ông Nguyễn Hoàng P chuyển nhượng cho anh Lê Vũ L vào ngày 02-8-2019 tại Văn phòng công chứng huyện B, tỉnh Đắk Nông đối với 02 thửa đất số 69 và thửa 49 với tổng số tiền là 1.000.000.000đồng.

Trong vụ án này mặc dù bị cáo Võ Duy T nhận tổng số tiền 1.000.000.000đồng nhưng do bị cáo bán cả hai thửa đất (thửa 49, thửa 69) nhưng từ khi thỏa thuận việc chuyển nhượng đến khi hoàn tất việc chuyển nhượng và nhận tiền các bên không thỏa thuận cụ thể giá trị tài sản của từng thửa đất là bao nhiêu. Cho nên, Cơ quan điều tra Công an huyện B, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp đã căn cứ vào Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 02-08-2019 đối với thửa số 69 với số tiền 150.000.000đồng được xác lập trong hợp đồng để Kết luận và Truy tố bị cáo là có căn cứ đúng pháp luật.

Do vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

"**Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản**

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

..."

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức rằng quyền sở hữu tài sản của người khác luôn được pháp luật bảo vệ, bất kỳ hành vi chiếm đoạt trái phép nào cũng đều bị xử lý nghiêm theo quy định, nhưng vì động cơ vụ lợi cá nhân cộng với ý thức coi thường pháp luật nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[3]. *Tình tiết định khung hình phạt*: Do bị cáo chiếm đoạt tài sản có giá trị 150.000.000đồng nên hành vi của bị cáo đã vi phạm tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

[4]. *Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo đã tác động người nhà trả lại tiền cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu K để ông K chuyển nhượng thửa đất số 69 cho người bị hại anh Lê Vũ L nhằm khắc phục hậu quả; hoàn cảnh gia đình bị cáo có nhiều khó khăn, sức khỏe yếu nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Đối với đề nghị của bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo. Hội đồng xét xử xét thấy, số tiền bị cáo lừa đảo lớn (150.000.000đồng) giá trị tài sản gần bằng mức tối đa của điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự là 200.000.000đồng. Ngoài ra, sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn bị bắt theo Lệnh truy nã. Căn cứ tính chất, hành vi, giá trị tài sản và theo khoản 2 Điều 3 Nghị Quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định thì bị cáo thuộc trường hợp không cho hưởng án treo. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu trên là phù hợp.

[5]. *Về trách nhiệm dân sự:* Các bên đã thỏa thuận khắc phục hậu quả, bị cáo Võ Duy T trả cho ông Nguyễn Hữu K số tiền 150.000.000đồng, ông K chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số thửa đất số 69, tờ bản đồ số 2, diện tích 12.000m^2 cho anh Lê Vũ L, không yêu cầu gì thêm. Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6]. *Về xử lý vật chứng:* Đối 01 bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 782695 do UBND huyện B cấp ngày 17-9-2003 cho hộ ông Võ Duy T (đã bị hủy bỏ tính pháp lý); 01 bản gốc "Giấy cho mượn tiền" đề ngày 30-7-2019 (có nội dung đặt cọc 220.000.000đ); 01 bản gốc "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của hộ gia đình theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 782695" được xác lập và công chứng tại Văn phòng công chứng huyện B ngày 02-8-2019 là tài liệu theo vụ án, tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[7]. Xét quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát về tội danh, mức hình phạt là có căn cứ và đúng pháp luật cần chấp nhận.

[8]. *Về án phí:* Bị cáo Võ Duy T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Võ Duy T** phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản tài sản"*.

Xử phạt bị cáo **Võ Duy T** 02 (Hai) năm 09(Chín) tháng tù**,** thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 02-02-2020 đến ngày 30-4-2020.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Lưu hồ sơ 01 bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 782695 do UBND huyện B cấp ngày 17-9-2003 cho hộ ông Võ Duy T (đã bị hủy bỏ tính pháp lý); 01 bản gốc "Giấy cho mượn tiền" đề ngày 30-7-2019 (có nội dung đặt cọc 220.000.000đ); 01 bản gốc "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của hộ gia đình theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 782695" được xác lập và công chứng tại Văn phòng công chứng huyện B ngày 02-8-2019 theo hồ sơ vụ án.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Võ Duy T phải nộp 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng HSNVCS CA tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- CA huyện B;
- THADS huyện B;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- NCQLNVLQ;
- Lưu: HS,VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Anh